

Bản án số: **210** /2018/HS-PT

Ngày: 07- 9 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Trương Minh Tuấn
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Mai Xuân Thành
	Ông Nguyễn Tấn Trường

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 7 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 229/TLPT-HS ngày 13 tháng 06 năm 2018 đối với bị cáo: Nguyễn Văn H về tội “Giết người”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 20/2016/HS-ST ngày 23/05/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Nguyễn Văn H; sinh năm: 1977, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố A1, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn Văn Ph (đã chết) và bà Hoàng Thị X, sinh năm 1938; vợ là Dương Thị T, sinh năm 1984; con: có 02 người, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/10/2015; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:* Luật sư Tôn Thất Quỳnh B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- Bị hại: Ông Dương Quang Q, sinh năm 1952

Trú tại: 7424 Winchesterln - Scherer Ville - IN - 46375, USA.

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam: Tổ dân phố A1, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962;

Trú tại: 4/58 đường HN, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế

2. Anh Trần Quang B, sinh ngày 21/12/1987;

Trú tại: 4/58 đường HN, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Chị Dương Thị M, sinh ngày 07/9/1987;

Trú tại: 4/58 đường HN, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế

4. Bà Phạm Thị P, sinh ngày 20/4/1962;

Trú tại: 38/2/12 đường Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế

5. Chị Dương Thị Tý, sinh ngày 10/6/1984;

Trú tại: Tổ dân phố A1, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;

6. Ông Dương Quang D, sinh năm 1951.

Trú tại: Tổ dân phố A1, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra trong vụ án còn có người làm chứng, các bị cáo Trần Quang V, Dương Quang L, Phạm Nhật Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 13/01/2015, do có mâu thuẫn cá nhân ông Dương Quang H (trú tại: thôn TK, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) và Dương Quang L bị Dương Quang Trg (con ruột của ông Dương Quang Q) dùng tay, chân đánh gây thương tích nhẹ. Nghe tin bố vợ là Dương Quang H bị đánh, Nguyễn Văn H liền gọi điện thoại báo lại cho em rể tên là Trần Quang V biết. Sau khi biết tin bố vợ bị các con ông Q đánh, tối ngày 18/01/2015, V đón xe khách từ Hà Tĩnh đi vào Huế và ngày 19/01/2015 V rủ thêm Phạm Nhật Th đi về thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để đánh ông Q (Khi đi V và Th lấy ở nhà Th hai cây mã tấu bỏ vào trong túi vợt cầu lông rồi mang theo). Khoảng 16 giờ ngày 19/01/2015, V dùng xe Honda chở Th về đến thị trấn L rồi vào quán Lys ăn nhậu. Khi đang ngồi nhậu, V dùng điện thoại di động gọi H đến nhậu cùng và khi nghe H nói “Ba bị đánh thương lắm, chừ còn đau”, V liền hỏi H địa chỉ nhà ông Q ở đâu và đặc điểm nhận dạng ông Q như thế nào. Nghe H chỉ địa điểm và mô tả đặc điểm nhận dạng ông Q xong, V liền nói với Th “Tý nữa nhậu xong tau với mi đi đánh lại”. Nghe vậy, H nói “Nếu đánh thì đánh dần mặt thôi”.

Khoảng 17 giờ 45 phút, V tính tiền và nói với Th “Có gì tau vào đánh, người dân ra thì mi chặn lại” Th đồng ý và lên xe Honda để V chở đến nhà ông Q (lúc này H đã về trước). Sau khi chạy lòng vòng quanh nhà ông Q và biết ông Q

không có ở nhà, V lấy bao nylon che biển số xe Honda lại và chở Th đi lên cầu Lăng Cô đứng đợi. Khoảng 18 giờ cùng ngày, V chở Th đến trước nhà ông Q và nhìn thấy ông Q về và đang cúi người mở Cổng, V lấy cây mã tấu có lưỡi hình răng cưa cầm ở tay phải, túi đựng vợt cầu lông chứa cây mã tấu còn lại V đưa cho Th cầm rồi chạy đến chém một nhát trúng vào phía sau đầu ông Q, sau đó chém liên tiếp nhiều nhát vào lưng và chân. Bị chém liên tiếp ông Q cúi người xuống dùng tay trái ôm mặt lại và nép sát vào trụ cổng nên V chuyển mã tấu sang tay trái và chém một nhát theo hướng từ dưới lên trúng vào vùng mặt của ông Q làm ông Q ngã gục xuống đất. Trong quá trình bị chém, ông Dương Quang Q đưa tay lên đỡ và bị V chém trúng 02 nhát vào tay trái. Do nhiều người dân xung quanh thấy vậy hô hoán chạy đến nên V chạy đến chỗ để xe máy và nổ xe máy, còn Th lấy cây mã tấu còn lại ở trong túi xách ra cầm ở tay đe dọa, ngăn chặn người truy đuổi. Sau khi nổ xe máy Honda, V chở Th chạy thoát lên hướng Th phố Huế. Khi đến gần đèo PG, Trần Quang V điện thoại cho Nguyễn Văn H ba cuộc với mục đích hỏi H để biết được thương tích của ông Q như thế nào, H hỏi lại: “Thế em có chém ông Q không? ông Q đi Bệnh viện rồi”. V điện thoại cho H xong tiếp tục điện thoại cho Dương Quang L với nội dung: “Anh vừa mới chém ông Q xong! Em ở đâu về cắt 2 cây mã tấu cho anh!”. Nghe V điện thoại xong, Dương Quang L liền đi ra đường Quốc lộ 1A đoạn phía trước nhà L đứng đợi. Khoảng 5 phút sau, V và Th chạy xe máy hướng từ thị trấn L lên. Th đưa cho L túi vợt cầu lông trong đó có chứa 02 cây mã tấu nhờ L cất giấu rồi tiếp tục chở Th về nhà của V và ngồi uống bia với Th cho đến hơn 23 giờ V chở Th về nhà. Dương Quang L sau khi đưa túi đựng 02 thanh mã tấu về nhà nhờ ông Dương Quang H cất hộ, ông H đem nhà bếp ông Hồ Th1 (bố vợ của ông H) ở cạnh đó cất.

Hậu quả: ông Q được đưa cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện thành phố Đà Nẵng đến ngày 03 tháng 02 năm 2015 thì xuất viện.

Ngày 28 tháng 01 năm 2015, Trung tâm giám định Pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiến hành giám định và ra Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 26-15/TgT đối với ông Dương Quang Q như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Đa chấn thương phần mềm vùng đầu, vai trái, khuỷu tay trái, đùi trái/vết thương mặt phải/gãy răng RL1-1.7; R3.3 đang còn điều trị hiện mất chức năng răng đối diện/vết thương cắt ngang mu bàn tay trái gây cụt ngón 2, 3 gãy hở gần lìa bàn 1 đã phẫu thuật khâu nối và kết hợp xương.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là:

- Đa vết thương phần mềm vùng đầu, vai trái khuỷu tay trái, đùi trái, để lại sẹo không ảnh hưởng chức năng 3%.

- Vết thương phần mềm vùng mặt ít ảnh hưởng chức năng 8%.

- Chấn thương gãy 4 răng cửa R1. 1,1.2.13,3.3; 2 răng hàm nhỏ 1.4,1.5; răng hàm 1.6 và 1.7 đang điều trị chức năng răng đối diện: 20%

- Vết thương đứt gân lìa bàn 1 tay trái đã phẫu thuật tái tạo, hiện còn đang điều trị chưa đánh giá được di chứng chức năng: 8%

- Vết thương đứt lìa ngón 2 và 3 bàn tay trái: 25%

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể chung: 51%

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2016/HS-ST ngày 23/05/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 của Bộ luật hình sự; áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn H: 07 (bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 21/10/2015.

* Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 604, 605, 609, 616 của Bộ luật dân sự:

Buộc các bị cáo Trần Quang V, Phạm Nhật Th, Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường cho ông Dương Quang Q, tổng cộng là: 197.645.884 đồng.

Theo phần, mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường căn cứ theo mức độ lỗi của từng bị cáo, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu là $197.645.884đ \times 20\% = 39.529.177, \text{ đồng}$;

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, án phí; quyền kháng cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 217/2016/HSPT ngày 2/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Văn H; áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20;

Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Văn H 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 07/2018/HS-GĐT ngày 20/3/2018, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định: Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 217/2016/HSPT ngày 2/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về phần tội danh và hình phạt đối với Nguyễn Văn H; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bào chữa cho bị cáo Luật sư vắng mặt không có lý do, bị cáo Nguyễn Văn H đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa, và vẫn giữ yêu cầu đề nghị xem xét lại tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Đề nghị Tòa án tiến hành tiếp tục xét xử vắng mặt người bào chữa theo ý kiến của bị cáo. Về nội dung: Bản án sơ thẩm xử bị cáo tội giết người là đúng nên không chấp nhận kháng cáo của Bị cáo về tội danh, tuy nhiên cần sửa về áp dụng pháp luật bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 93 chứ không phải theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 như án sơ thẩm đã xử; về hình phạt do bị cáo xét xử theo khoản 2 Điều 93 BLHS và tại cấp phúc thẩm gia đình bị cáo có khắc phục hậu quả nên được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS đề nghị giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn H thống nhất về tội danh như ý kiến của Kiểm sát viên bị cáo phạm tội Giết người theo khoản 2 Điều 93 BLHS, về hình phạt bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, đã nộp toàn bộ số tiền về bồi thường sau khi bản án sơ thẩm đã xử đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai bị cáo tại phiên tòa có cơ sở xác định: Sau khi chứng kiến bố vợ là ông Dương Quang H bị các con của ông Dương Quang Q đánh, Nguyễn Văn H trực tiếp gọi điện thoại báo cho Trần Quang V biết việc ông H bị đánh. Tới ngày 19/1/2015 trong lúc ăn nhậu cùng V và Phạm Nhật Th, biết V và Th có ý định đi đánh ông Q để trả thù, H nói “Ba bị đánh thương lắm, chừ còn đau”; H chỉ nơi ở, đặc điểm nhận dạng của ông Q cho V và Th biết để V và Th có thể đánh ông Q. Khi nghe V và Th bàn kế hoạch đi đánh ông Q, H không can ngăn mà nói “Nếu đánh thì đánh dần mặt thôi”, thể hiện sự thống nhất ý chí về việc đánh ông Q. Sau đó, H bỏ về trước, để mặc hậu quả xảy ra. Trần Quang V đã dùng mã tấu chém liên tiếp vào vùng đầu, mặt, tay, chân ông Q làm ông Q gục ngay tại chỗ. Do mọi người can ngăn và được đưa đi cấp cứu Q bị thương tích 51% (Theo Bản kết luận giám định về pháp y số 26-15/TgT ngày 28/1/2015 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế).

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, thấy: Nguyễn Văn H là người trực tiếp gọi điện báo cho V biết việc ông H bị đánh; đồng thời chỉ nơi ở, đặc điểm nhận dạng của ông Q để V và có thể thực hiện hành vi đánh ông Q. Thực tế V đã dùng mã tấu chém liên tiếp vào vùng đầu, mặt, chân, tay ông Q làm ông Q gục ngay tại chỗ; do được can ngăn và được đưa đi cấp cứu kịp thời nên ông Q không chết là ngoài ý muốn chủ quan của V. Mặc dù, H không biết trước việc V dùng mã tấu chém liên tiếp vào những vùng trọng yếu trên cơ thể ông Q, có thể làm chết ông Q nhưng H là người đã kích động và thống nhất ý chí với V và Th trong việc đánh ông Q, để mặc cho hậu quả xảy ra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Văn H đồng phạm với Trần Quang V và Phạm Nhật Th về tội “Giết người” là có căn cứ; vì vậy không chấp nhận kháng cáo về tội danh đối với bị cáo H. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Văn H theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 là tình tiết định khung “Có tính côn đồ” là không đúng, bởi vì: Nguyễn Văn H không trực tiếp tham gia đánh ông Q mà giúp sức cho V và Th trong việc đánh ông Q nên hành vi phạm tội của H

không “Có tính côn đồ” mà chỉ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999. Về mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo H, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, xem xét về nhân thân xử phạt bị cáo H mức án 7 năm tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo có nộp số tiền 10(mười) triệu đồng để khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số AA/2011/005210 ngày 1/8/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS ; do bị cáo bị xét xử theo khoản 2 Điều 93 BLHS năm 1999 và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm cho bị cáo một phần hình phạt tù.

[3] Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, sửa Bản án sơ thẩm số 20/2016/HS-ST ngày 23/05/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về hình phạt tù, cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Giết người”.

Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999(Sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H: 06 (Sáu) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 21/10/2015.

- 2.Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc

thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án hình sự phúc thẩm số 217/2016/HS-ST ngày 2/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với bị cáo Nguyễn Văn H không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 2/8/2016).

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Thừa Thiên- Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên- Huế;
- Công an tỉnh Thừa Thiên- Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT- Huế (bị cáo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án, phòng lưu trữ, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn